

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 14 /2010/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 11 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT
Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2011;

Sau khi xem xét tờ trình số 6416/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách năm 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách 2011- 2015 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã). Đối với ngân sách huyện, thị xã, thành phố, trên cơ sở định mức phân bổ được giao, Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của từng địa phương.

Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục như sau:

1. Giáo dục quốc lập:

a) Nguyên tắc phân bổ:

- Định mức phân bổ bao gồm: toàn bộ chi hoạt động sự nghiệp giáo dục, chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục do Trung ương ban hành và chi hỗ trợ nhân các ngày lễ, tết do địa phương ban hành.

- Định mức phân bổ không bao gồm: chi học bổng, khen thưởng học sinh tại Nghị quyết số 15/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 (chênh lệch giữa chế độ của địa phương so với chế độ của Trung ương ban hành) và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND ngày 20/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh; chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương; chi cho công tác phổ cập giáo dục. Các khoản chi này bố trí chi theo chế độ quy định.

- Đối với các hoạt động mang tính chất toàn ngành như: chế độ cử tuyển, bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp, bồi dưỡng giáo viên, hội khỏe Phù Đổng, hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng ngân sách để bố trí cho phù hợp.

b) Định mức cụ thể:

Tiêu chí phân bổ	Đồng/học sinh/năm Định mức phân bổ
- Địa bàn thành phố, TX và các huyện đồng bằng	
+ Nhà trẻ, mẫu giáo	1.280.000
+ Tiểu học	580.000
+ Trung học cơ sở và trung học phổ thông	700.000
+ Giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp	150.000
+ Giáo dục thường xuyên	200.000
- Địa bàn huyện Khánh Vĩnh	
+ Nhà trẻ, mẫu giáo	1.790.000
+ Tiểu học	810.000
+ Trung học cơ sở và trung học phổ thông	980.000
+ Giáo dục thường xuyên	280.000
- Địa bàn huyện Khánh Sơn	
+ Nhà trẻ, mẫu giáo	1.920.000
+ Tiểu học	870.000
+ Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1.050.000
- Phổ thông dân tộc nội trú: Trung học cơ sở và trung học phổ thông	700.000

2. Giáo dục mầm non dân lập:

a) Định mức phân bổ mang tính chất hỗ trợ một phần cho hoạt động giáo dục ở cấp xã. Các trường dân lập phải có kế hoạch chuyển đổi theo đúng quy định của Luật Giáo dục.

b) Định mức cụ thể:

Tiêu chí phân bổ	Triệu đồng/xã/năm
	Định mức phân bổ
Phường, thị trấn đồng bằng	190
Xã vùng đồng bằng	200

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

1. Nguyên tắc phân bổ:

Định mức bao gồm: chi tiền lương tính theo mức tiền lương tối thiểu 730.000 đồng, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương; chế độ miễn giảm học phí đối với sinh viên cao đẳng sư phạm; các chế độ chi tiêu của Trung ương và của địa phương ban hành trong lĩnh vực đào tạo và dạy nghề. Đối với trường chính trị tỉnh định mức tính cho một học viên học trong 12 tháng.

2. Định mức cụ thể:

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
	Triệu đồng/trung tâm/năm
a) Trung tâm chính trị	
- Thành phố, TX và các huyện đồng bằng	400
- Huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn	350
b) Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang	
Hệ cao đẳng	9.690.000
	đồng/sv, hv/năm
c) Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch	
- Hệ cao đẳng	
+ Khối nghệ thuật	6.800.000
+ Khối nghiệp vụ văn hóa du lịch	4.760.000
- Hệ Trung cấp	
+ Khối nghệ thuật	5.440.000
+ Khối nghiệp vụ văn hóa du lịch	3.810.000
d) Trường Cao đẳng nghề Nha Trang	
- Hệ cao đẳng	6.400.000

- Hệ trung học phổ thông	4.800.000
đ) Trường Cao đẳng Y tế	
- Hệ cao đẳng	5.920.000
- Hệ trung cấp	4.740.000
e) Trường trung học kinh tế	4.140.000
g) Trường trung cấp nghề	
- Hệ trung học phổ thông	4.800.000
- Hệ trung cấp nghề	
h) Trường chính trị tỉnh	5.300.000

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Định mức phân bổ bao gồm: chi tiền lương tính theo mức tiền lương tối thiểu 730.000 đồng, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (gồm cả phụ cấp ưu đãi ngành); chi cho bộ máy quản lý hệ dự phòng, dự trữ cơ sở thuốc phòng, chống dịch bệnh; chi hoạt động của trạm y tế xã, phân trạm y tế; chi trợ cấp cho cán bộ y tế thôn, bản; các chế độ chi tiêu hiện hành của Trung ương và của địa phương ban hành.

b) Định mức không bao gồm: kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; hỗ trợ học sinh, sinh viên mua thẻ bảo hiểm; hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân là người dân tộc thiểu số và bệnh nhân thuộc diện hộ nghèo. Những khoản chi này được xác định trên cơ sở đối tượng, mức chi theo quy định để bố trí chi ngân sách.

c) Đối với mua sắm thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn để trang bị cho ngành y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh; công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 6 tuổi; chi đào tạo cán bộ theo chính sách của tỉnh và chi cho các chương trình của ngành y tế, hàng năm căn cứ vào nhu cầu và khả năng ngân sách để bố trí cho phù hợp.

2. Định mức cụ thể:

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
a) Hệ điều trị (triệu đồng/giường bệnh/năm)	
- Bệnh viện đa khoa tỉnh	47
- Bệnh viện chuyên khoa	45
- Bệnh viện đa khoa các huyện đồng bằng, TX, TP	44

- Bệnh viện đa khoa các huyện miền núi	61,6
- Phòng khám đa khoa các huyện đồng bằng, TX, TP	42
- Phòng khám đa khoa các huyện miền núi	58,8
- Y tế xã, phường, thị trấn (triệu đồng/trạm/năm)	285
- Phân trạm y tế (triệu đồng/phân trạm/năm)	130
b) Hệ dự phòng (đồng/người dân/năm)	20.000

Điều 6. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng và các tổ chức chính trị-xã hội:

1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Định mức phân bổ kinh phí quản lý hành chính cấp tỉnh và cấp huyện tính theo biên chế lũy tiến và được chia làm 4 bậc.

Định mức bao gồm toàn bộ các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy các cơ quan hàng năm như: các khoản khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi đào tạo chuẩn hóa công chức; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; phụ cấp cấp ủy và kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng; các khoản chi mua sắm công cụ, phương tiện làm việc và chi sửa chữa thường xuyên tài sản và các chế độ chi của tỉnh như: hỗ trợ lễ, tết, phụ cấp cán bộ tiếp nhận và trả kết quả một cửa...

b) Định mức không bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương (trừ định mức của cấp xã). Các khoản này được phân bổ theo hệ số lương bình quân của biên chế có mặt nhân với biên chế được giao; phụ cấp Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; phụ cấp cấp ủy viên cấp huyện, cấp tỉnh. Đối với mua sắm tài sản có số lượng lớn hoặc giá trị lớn, sửa chữa lớn trụ sở làm việc được bố trí căn cứ vào quyết định cụ thể và khả năng của ngân sách hàng năm.

2. Định mức cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh:

Triệu đồng/biên chế/năm

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
- Đối với các sở, ban, ngành, Đảng, đoàn thể	
+ Từ 10 biên chế trở xuống	19
+ Từ 11 đến 20 biên chế	18

+ Từ 21 đến 40 biên chế	17
+ Từ 41 biên chế trở lên	16
- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở	
+ Từ 10 biên chế trở xuống	16,5
+ Từ 11 đến 20 biên chế	15,5
+ Từ 21 đến 40 biên chế	14,5
+ Từ 41 biên chế trở lên	13,5

- Các cơ quan, đơn vị được phân bổ thêm ngoài định mức để thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh 150 triệu đồng/năm; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông Dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh tỉnh, mỗi cơ quan 120 triệu đồng/năm; Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính, mỗi cơ quan 200 triệu đồng/năm.

- Các cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, ngoài định mức chung được tính thêm các nhiệm vụ chi đặc thù.

b) Đối với các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện):

Triệu đồng/biên chế/năm

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
Từ 10 biên chế trở xuống	16,5
Từ 11 đến 20 biên chế	15,5
Từ 21 đến 40 biên chế	14,5
Từ 41 biên chế trở lên	13,5

- Huyện Khánh Vĩnh được phân bổ thêm 20% so định mức; huyện Khánh Sơn được phân bổ thêm 25% so định mức.

- Các cơ quan, đơn vị được phân bổ thêm ngoài định mức để thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao gồm: Khối các đoàn thể chính trị - xã hội (UBMT Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông Dân, Hội Cựu Chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh cấp huyện) 500 triệu đồng/huyện/năm. Phòng Tài chính- Kế hoạch 100 triệu đồng/năm.

- Các cơ quan: Văn phòng Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân, ngoài định mức chung được tính thêm các nhiệm vụ chi đặc thù.

c) Đối với xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
- Theo biên chế cán bộ chuyên trách và công chức	Triệu/biên chế/năm
+ Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	34
+ Xã thuộc huyện miền núi	39
- Phân bổ theo đơn vị hành chính	Triệu đồng/xã/năm
+ Phường, thị trấn và các xã huyện đồng bằng	240
+ Xã thuộc huyện miền núi	200

- Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế cán bộ chuyên trách và công chức bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương tính theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng và các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy quy định tại **điểm a, khoản 1 Điều này**. (Kiểm tra lại chi đã sửa thành thứ tự nào và sửa lại)

- Định mức phân bổ theo tiêu chí đơn vị hành chính xã đã bao gồm: chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân; chi hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội cấp xã; chi phụ cấp cấp ủy viên cấp xã, cấp ủy viên các đảng bộ bộ phận, chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn; chi hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; chi phục vụ hoạt động chuyên môn của cán bộ không chuyên trách; chi phụ cấp và hoạt động của tổ dân phố; các đoàn thể ở thôn; chi sửa chữa thường xuyên và mua sắm phương tiện làm việc, ...

- Định mức phân bổ không bao gồm chi phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách cấp xã. Khoản chi này căn cứ số cán bộ và mức phụ cấp quy định để bố trí đủ trong dự toán.

Điều 7. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ:

1. Nguyên tắc phân bổ:

a) Định mức phân bổ đối với đơn vị sự nghiệp ở các lĩnh vực đã bao gồm: chi tiền lương, các khoản có tính chất tiền lương và các khoản đóng góp theo lương; chi hoạt động quản lý, nghiệp vụ thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; chi phụ cấp cấp ủy, chi hỗ trợ lễ, tết theo quy định của tỉnh.

- Định mức phân bổ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động; trường hợp đơn vị có hệ số tiền lương

bình quân cao hơn 4,0 thì ngân sách cấp bù số chênh lệch hệ số tiền lương tăng thêm so với hệ số 4,0.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, khi phân bổ dự toán sẽ tính giảm trừ định mức phân bổ từ nguồn thu của đơn vị theo quy định hiện hành.

b) Định mức phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, bao gồm chi tiền lương theo hợp đồng và các khoản chi hỗ trợ lễ, tết theo quy định của tỉnh. Phạm vi áp dụng như sau:

- Các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;

- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh và cấp huyện được ngân sách bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động;

- Không áp dụng đối với các đơn vị thuộc ngành giáo dục đào tạo, ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp có thu.

2. Định mức cụ thể:

	<i>Triệu đồng/biên chế/lao động/năm</i>
Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
a) Biên chế sự nghiệp	
- Cấp tỉnh	44
- Cấp huyện	40
b) Hợp đồng lao động theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	28

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin:

	<i>Đồng/người dân/năm</i>
Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
1. Cấp tỉnh	16.600
2. Cấp huyện:	
a) Thành phố, thị xã	3.900
b) Các huyện đồng bằng	4.700
c) Huyện Khánh Vĩnh	18.080
d) Huyện Khánh Sơn	24.140
3. Cấp xã:	
a) Thuộc thành phố, thị xã	3.000
b) Thuộc các huyện đồng bằng	3.700
c) Huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn	6.100

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:

<i>Đồng/người dân/năm</i>	
Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
1. Cấp huyện:	
a) Thành phố Nha Trang	4.000
b) Thị xã Cam Ranh, Ninh Hoà và các huyện đồng bằng	4.800
c) Huyện Khánh Vĩnh	18.000
d) Huyện Khánh Sơn	26.000
2. Cấp xã:	
a) Thuộc thành phố	1.850
b) Thuộc thị xã và các huyện đồng bằng	2.200
c) Huyện Khánh Vĩnh	3.960
d) Huyện Khánh Sơn	4.400

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao:

<i>Đồng/người dân/năm</i>	
Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
1. Cấp tỉnh	
10.000	
2. Cấp huyện:	
a) Thành phố, thị xã	3.850
b) Các huyện đồng bằng	2.300
c) Huyện Khánh Vĩnh	9.100
d) Huyện Khánh Sơn	14.300
3. Cấp xã:	
a) Thuộc thành phố, thị xã	1.890
b) Thuộc các huyện đồng bằng	1.440
c) Huyện Khánh Vĩnh	1.790
d) Huyện Khánh Sơn	1.940

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

<i>Đồng/người dân/năm</i>	
Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
1. Cấp tỉnh	
23.000	
2. Cấp huyện:	
a) Thành phố, thị xã	35.000
b) Các huyện đồng bằng	45.000
c) Huyện Khánh Vĩnh	110.000

d) Huyện Khánh Sơn	180.000
3. Cấp xã	
a) Thuộc thành phố, thị xã	2.850
b) Thuộc các huyện đồng bằng	3.050
c) Huyện Khánh Vĩnh	9.000
d) Huyện Khánh Sơn	10.000

Định mức trên đã bao gồm: các hoạt động xã hội, trợ cấp cho các đối tượng chính sách theo quy định; chi bảo trợ xã hội; chi trợ cấp cho cán bộ xã già yếu nghỉ việc; các chế độ chi của TW và địa phương ban hành có liên quan.

Định mức không bao gồm: chế độ hỗ trợ lễ, tết đối với các đối tượng chính sách, cán bộ hưu trí.

Điều 12. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:

Đồng/người dân/năm

Tiêu chí phân bổ	Định mức phân bổ
A. Chi quốc phòng	
1. Cấp tỉnh	16.500
2. Cấp huyện:	
a) Thành phố, thị xã	18.000
b) Các huyện đồng bằng	9.000
c) Huyện Khánh Vĩnh	45.000
d) Huyện Khánh Sơn	60.000
3. Cấp xã:	
a) Thuộc thành phố, thị xã	6.000
b) Thuộc các huyện đồng bằng	5.000
c) Huyện Khánh Vĩnh	7.000
d) Huyện Khánh Sơn	9.000
B. Chi an ninh	
1. Cấp tỉnh	6.100
2. Cấp huyện:	
a) Thành phố, thị xã	5.500
b) Các huyện đồng bằng	4.000
c) Huyện Khánh Vĩnh	18.000
d) Huyện Khánh Sơn	24.000
3. Cấp xã:	
a) Thuộc thành phố, thị xã	5.500

b) Thuộc các huyện đồng bằng	5.000
c) Huyện Khánh Vĩnh	25.000
d) Huyện Khánh Sơn	30.000

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:
Phân bổ theo chỉ tiêu Trung ương giao.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Định mức phân bổ theo tỷ lệ phần trăm trên tổng chi thường xuyên các lĩnh vực quy định từ Điều 3 đến Điều 13 Nghị quyết này của ngân sách các cấp:

- a) Ngân sách cấp tỉnh : 10%
- b) Ngân sách thành phố, thị xã: 6%
- c) Ngân sách các huyện : 5%.

2. Đối với đô thị được phân bổ thêm như sau:

- a) Đô thị loại I : 45.000 triệu đồng/năm
- b) Đô thị loại III : 7.500 triệu đồng/năm
- c) Đô thị loại IV : 5.000 triệu đồng/năm

3. Các khoản chi: cấp bù do chính sách miễn giảm thủy lợi phí, bù lỗ hoạt động xe buýt được xác định và phân bổ theo số chi thực tế của ngân sách các cấp. Chi cho công tác quy hoạch căn cứ nhu cầu và khả năng ngân sách để bố trí cho phù hợp.

Điều 15. Phân bổ chi trợ giá, trợ cước:

Chi trợ giá đối với báo đảng do địa phương quản lý; chi hỗ trợ cho người dân thuộc hộ nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đối tượng, mức chi thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Phân bổ chi sự nghiệp môi trường:

Chi sự nghiệp môi trường trên cơ sở dự toán Trung ương giao, phân bổ trực tiếp cho ngân sách các cấp để chi cho các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định. Cụ thể:

1. Ngân sách cấp tỉnh	:	26.900 triệu đồng
2. Thành phố Nha Trang	:	37.500 triệu đồng
3. Thị xã Ninh Hòa	:	4.000 triệu đồng
4. Thị xã Cam Ranh	:	3.000 triệu đồng
5. Huyện Vạn Ninh	:	2.000 triệu đồng
6. Huyện Diên Khánh	:	2.000 triệu đồng
7. Huyện Cam Lâm	:	2.000 triệu đồng
8. Huyện Khánh Vĩnh	:	2.000 triệu đồng
9. Huyện Khánh Sơn	:	1.500 triệu đồng

Điều 17. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách:

Định mức phân bổ được tính theo tỷ lệ phần trăm và bằng 1% trên tổng các khoản chi từ Điều 3 đến Điều 16 của Nghị quyết này để chi cho các khoản chi khác.

Điều 18. Định mức dự phòng ngân sách:

1. Ngân sách cấp tỉnh: 3,5% tổng chi ngân sách cấp tỉnh;
2. Ngân sách cấp huyện và cấp xã: 2,5% tổng chi ngân sách cùng cấp.
3. Dự phòng ngân sách được phân bổ sử dụng như sau: dành 70% chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai và phòng chống dịch bệnh; 30% còn lại chi cho các nhiệm vụ cấp bách khác.

Điều 19: Tổ chức thực hiện:

1. Hàng năm, căn cứ vào tình hình ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh tính toán, xác định trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho toàn bộ các lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực cho phù hợp với thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn về tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách địa phương và hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2011 bảo đảm đúng thời gian quy định của Luật ngân sách nhà nước; Chủ động cân đối nguồn ngân sách khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách mới.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban kinh tế và ngân sách, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khoá IV, kỳ họp thứ 15 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Bộ TC, Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo (2 bản);
- Lưu: VT, HDT, VN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần An Khánh

